

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên tổ chức:** Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai
  - Mã chứng khoán: DOC
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, Quốc lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
  - Điện thoại liên hệ: (0251) 3836 270 - 3833 289 Fax: (0251) 3836 270 - 3833 289
  - E-mail: docambh@vnn.vn
  - Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Huỳnh Minh – Chức vụ: Quyền Giám đốc.

### 2. Nội dung thông tin công bố.

Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 (kèm Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mục quan hệ cổ đông vào ngày 15/05/2026 tại đường dẫn “ docam.vn/tao-lieu-van-ban/”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

\* Tài liệu đính kèm:

- Thư mời họp DIHDCD thường niên 2026.
- Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền.

**Đại diện tổ chức**  
**Người đại diện theo pháp luật**  
**Q. GIÁM ĐỐC**



**Ngô Huỳnh Minh**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: **Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông**  
**Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai**

Tên cổ đông:.....  
.....  
Số CCCD/ Hộ chiếu/GCN ĐKKD số .....cấp ngày.....  
tại.....  
Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức:.....  
Địa chỉ: .....  
Tổng số cổ phần sở hữu <sup>(1)</sup>:.....  
Bằng chữ:.....

**Căn cứ vào Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức vào ngày thứ năm 29/06/2026 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai, tôi/ chúng tôi xin xác nhận việc tham dự hay ủy quyền tham dự Đại hội như sau:**  
*(Vui lòng đánh dấu √ vào ô vuông):*

**Trực tiếp tham dự**

**Ủy quyền cho người khác tham dự**

Tên cá nhân/ tổ chức :.....  
Số CCCD/ Hộ chiếu/GCN ĐKKD số .....cấp ngày.....tại.....  
Địa chỉ: .....

**Ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) hoặc Ban Kiểm soát (BKS) Công ty**

*(Vui lòng đánh chéo dấu √ vào ô vuông để ủy quyền cho một trong những thành viên)*

- |  |                               |
|--|-------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Ông Lê Phước Hùng       | Chủ tịch HĐQT                 |
| <input type="checkbox"/> Ông Ngô Huỳnh Minh      | Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch |
| <input type="checkbox"/> Bà Nguyễn Thị Kim Quy   | Thành viên HĐQT               |
| <input type="checkbox"/> Ông Đoàn Tuấn Anh       | Trưởng BKS                    |
| <input type="checkbox"/> Bà Nguyễn Thị Diệu Linh | Thành viên BKS                |
| <input type="checkbox"/> Bà Ngô Thị Cẩm Hà       | Thành viên BKS                |

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề nêu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai được tổ chức vào ngày **29/06/2026**.

Bên ủy quyền chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

....., ngày .....tháng.....năm 2026

**Người được ủy quyền**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Cổ đông**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)*

**Lưu ý:**

- (1) Số lượng cổ phần sở hữu của cổ đông theo danh sách tại ngày chốt **05/05/2026**.
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền cho một người khác hoặc một trong các thành viên HĐQT/ BKS.
- Vui lòng điền đầy đủ họ tên, số CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKDN, nơi cấp và ngày cấp của người được ủy quyền.
- Vui lòng gửi e mail hoặc gửi thư xác nhận tham dự/ ủy quyền về Ban Tổ chức Đại hội Công ty trước **8 giờ 00 ngày 27/06/2026** theo địa chỉ sau:

**Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai**

**Tầng 01, số 94/2 Bis, Tổ 12, Khu Phố Bình Đa, P.Trần Biên, Tp.Đồng Nai**

**Điện thoại: 0251 3835 850. Email: [docambh@vnn.vn](mailto:docambh@vnn.vn); [docamjsc@gmail.com](mailto:docamjsc@gmail.com)**

- Quý cổ đông vui lòng mang theo Thư mời và CCCD (hoặc Hộ chiếu) để đối chiếu. Trường hợp ủy quyền cho người khác tham dự, người được ủy quyền mang thêm bản chính Giấy xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày Đại hội **29/06/2026**.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa Chỉ : Số 10, Quốc lộ 1, Khu Phố Cẩm Tân, Phường Hàng Gòn, TP Đồng Nai

( Mã chứng khoán: DOC )

## **TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**



**Biên Hòa, ngày 29 tháng 06 năm 2026**



Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

Ngày 29 tháng 06 năm 2026

Thời gian	Stt	Nội dung
Từ 7g30 đến 8g00	1	Đón tiếp đại biểu, đăng ký danh sách dự họp và phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông
<b>Khai mạc Đại hội đồng cổ đông</b>		
Từ 8g00 đến 8g20	2	Chào cờ. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự
	3	Báo cáo kiểm tra điều kiện cổ đông tham dự Đại hội
	4	Trình Đại hội thông qua danh sách Chủ tịch đoàn, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu
	5	Thông qua Chương trình, Nội quy, Quy chế làm việc của Đại hội
<b>Nội dung Đại hội đồng cổ đông</b>		
Từ 8g20 đến 9g30	6	* Diễn văn khai mạc Đại hội. * Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
	7	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025
	8	Thông qua các Tờ trình xin ý kiến biểu quyết: 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán 2. Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. 3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025. 4. Phân phối lợi nhuận năm 2025. 5. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, phụ trách quản trị 2025 và kế hoạch mức tiền lương, thù lao 2026. 6. Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026. 7. Tờ trình thông qua sửa đổi điều lệ công ty.

Từ 9g30 đến 10g00	9	Đại hội thảo luận và trả lời ý kiến cổ đông của Chủ tịch đoàn
Từ 10g00 đến 10g15	10	Biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp
Từ 10g15 đến 10g30	11	Giải lao ( <i>Ban kiểm phiếu làm việc</i> )
Từ 10g30 đến 11g30	12	Phát biểu của Tổng công ty CNTP Đồng Nai (nếu có)
	13	Ban kiểm phiếu Báo cáo kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội.
	14	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
	15	Phát biểu cảm ơn của Ban Lãnh đạo Công ty, tuyên bố bế mạc Đại hội. Chào cờ.



Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**NỘI QUY, QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI  
VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU**

*Kính thưa Đoàn Chủ tọa Đại hội*

*Kính thưa quý vị đại biểu và quý cổ đông Công ty*

*Tôi xin thay mặt Đoàn Chủ tọa đọc Bản Nội quy, Quy chế Đại hội và thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu.*

Bản Nội quy, Quy chế làm việc Đại hội và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

**I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in Thẻ biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động không được để chuông.

**II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa, Thư ký.
2. Thông qua Chương trình nội dung Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu. ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.
3. Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp. Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.

4. Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc. Sau khi Ban lãnh đạo Công ty báo cáo cuộc họp ĐHĐCĐ các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.

- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tọa trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tọa sẽ tổng hợp và trả lời chung.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sẽ được thư ký tập họp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

### **III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:**

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết.

2. Cách biểu quyết: Cổ đông biểu quyết (**tán thành; không tán thành; không có ý kiến**) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu.

3. Thời điểm biểu quyết: Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các cổ đông bỏ phiếu đã biểu quyết vào thùng phiếu. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

4. Kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên do Đoàn Chủ tọa đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tọa sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN:**

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

## **V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI:**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tọa.
3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

## **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:**

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết (nếu có).
2. Tiến hành thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tọa và Thư ký Đại hội kết quả Biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Nội quy, Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, Nội quy, Quy chế làm việc sẽ có hiệu lực ngay trong quá trình diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỌA**

Lê Phước Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ  
NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



<b>MỤC LỤC</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

3  
5  
T  
10  
4  
1  
4

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Phước Hùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 01/03/2026)
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/03/2026)
Ông Ngô Huỳnh Minh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/06/2025)
Ông Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/06/2025)
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/06/2025)
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/06/2025)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Huỳnh Minh	Quyền Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2026) Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/06/2025 Miễn nhiệm ngày 31/12/2025)
Ông Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/05/2025)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### **CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Ngô Huỳnh Minh**  
Quyền Giám đốc

*Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026*

Số: 517/2026/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Thanh Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2025-026-1

**Lê Hoàng Mỹ Linh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
6236-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>122.241.511.464</b>	<b>119.074.823.831</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>9.629.157.088</b>	<b>2.945.991.793</b>
1. Tiền	111		6.629.157.088	2.945.991.793
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>94.000.000.000</b>	<b>85.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	94.000.000.000	85.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.717.725.959</b>	<b>21.425.218.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.957.619.284	25.110.905.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		484.656.626	51.452.361
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		251.280.372	238.690.975
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.975.830.323)	(3.975.830.323)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.647.718.017</b>	<b>9.104.334.076</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	4.647.718.017	9.104.334.076
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>246.910.400</b>	<b>99.279.626</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.986.712	99.279.626
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	89.923.688	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.011.261.126</b>	<b>938.217.524</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>102.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		102.000.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>225.118.680</b>	<b>254.075.078</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	225.118.680	254.075.078
Nguyên giá	222		10.594.479.632	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.369.360.952)	(26.932.054.899)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>684.142.446</b>	<b>684.142.446</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	684.142.446	684.142.446
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>123.252.772.590</b>	<b>120.013.041.355</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.604.854.999</b>	<b>14.755.072.783</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.493.957.399</b>	<b>14.755.072.783</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	3.698.068.077	4.278.332.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.247.895.151	546.314.330
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.835.578.428	793.171.196
4. Phải trả người lao động	314	4.9	1.638.613.903	1.611.063.740
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.519.641.796	3.546.507.459
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.845.177.563	1.752.662.125
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	1.708.982.481	2.227.021.581
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>110.897.600</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337		110.897.600	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>107.647.917.591</b>	<b>105.257.968.572</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13.1	<b>107.647.917.591</b>	<b>105.257.968.572</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.079.909.686	4.689.960.667
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		689.377.467	750.481.579
LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.390.532.219	3.939.479.088
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>123.252.772.590</b>	<b>120.013.041.355</b>



**Ngô Huỳnh Minh**  
Quyền Giám đốc

**Nguyễn Hồng Quân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hồng Quân**  
Người lập

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	231.395.084.500	219.955.191.928
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		231.395.084.500	219.955.191.928
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	220.915.347.859	209.486.580.721
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.479.736.641	10.468.611.207
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.207.968.393	4.930.112.344
6. Chi phí tài chính	22		288.797.800	194.109.068
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		288.797.800	191.233.549
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	4.903.569.107	5.557.179.481
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	5.554.754.607	4.725.777.579
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.940.583.520	4.921.657.423
10. Thu nhập khác	31	5.7	3.162.387.899	44.191.437
11. Chi phí khác	32		87.884.445	14.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		3.074.503.454	30.191.437
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.015.086.974	4.951.848.860
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.624.554.755	1.012.369.772
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.390.532.219	3.939.479.088
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	509	294
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	509	294



Ngô Huỳnh Minh  
Quyền Giám đốc

Nguyễn Hồng Quân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Quân  
Người lập

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.015.086.974	4.951.848.860
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	103.706.398	284.584.590
Các khoản dự phòng	03		-	(250.000.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.896.089.452)	(4.768.874.949)
Chi phí lãi vay	06		288.797.800	191.233.549
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		511.501.720	408.792.050
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.515.568.689	(20.776.182.147)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.456.616.059	(4.639.744.184)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.109.764.747	(314.376.402)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(57.707.086)	16.600.675
Tiền lãi vay đã trả	14		(288.797.800)	(191.233.549)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(1.456.916.386)	(906.604.572)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.518.039.100)	(1.136.341.896)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.271.990.843</b>	<b>(27.539.090.025)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(74.750.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.010.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(137.000.000.000)	(160.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		128.500.000.000	174.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.886.089.452	4.768.874.949
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(678.660.548)</b>	<b>18.268.874.949</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	37.115.662.000	30.786.368.800
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(37.115.662.000)	(30.786.368.800)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(2.910.165.000)	(3.999.050.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.910.165.000)</b>	<b>(3.999.050.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.683.165.295</b>	<b>(13.269.265.076)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.945.991.793	16.215.256.869
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>9.629.157.088</b>	<b>2.945.991.793</b>



Ngô Huỳnh Minh  
Quyền Giám đốc

Nguyễn Hồng Quân  
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Quân  
Người lập

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 01 năm 2026 để thay đổi địa chỉ trụ sở hoạt động kinh doanh và cập nhật người đại diện pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
<b>Cộng</b>		<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 10, Quốc lộ 1, khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31 (31/12/2024: 34).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

<b>Tên</b>	<b>Ngành nghề hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 20, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 1, ấp Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Ấp Láng Lớn, xã Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Tỉnh lộ 768, xã Thạnh Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

### **3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

### **3.5. Nợ phải thu**

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu**

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

#### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 – 06 năm |

### **3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.11. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **3.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.14. Thuế**

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống: Không chịu thuế;
- Nông sản, phân bón: 5%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.17. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	10.115.722	64.383.280
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.619.041.366	2.881.608.513
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.629.157.088</b>	<b>2.945.991.793</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 4,97% đến 7,6%/năm.

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng, được chi tiết như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	6 - 12 tháng	5,63% - 7,60%/năm	36.000.000.000	35.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	12 tháng	4,97% - 5,07%/năm	27.000.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	6 tháng	5,30% - 5,70%/năm	23.000.000.000	15.500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12 tháng	4,79%/năm	8.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12 tháng	4,02%/năm	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>94.000.000.000</b>	<b>85.500.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT – Vinataba	11.356.800.000	15.281.200.000
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	3.799.088.179
Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang	1.215.000.000	5.846.500.000
Các khách hàng khác	586.731.105	184.117.144
<b>Cộng</b>	<b>16.957.619.284</b>	<b>25.110.905.323</b>

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.975.830.323	-	3.975.830.323	-

Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số đầu năm	3.975.830.323	4.225.830.323
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	(250.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.975.830.323</b>	<b>3.975.830.323</b>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	-	Trên 3 năm	3.799.088.179	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	176.742.144	-	Trên 3 năm	176.742.144	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>3.975.830.323</b>	<b>-</b>		<b>3.975.830.323</b>	<b>-</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.876.889.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.300.000	-	381.900.000	-
Công cụ, dụng cụ	61.851.906	-	68.646.549	-
Hàng hóa	3.801.874.378	-	4.761.130.212	-
Hàng gửi bán	782.691.733	-	1.015.767.715	-
<b>Cộng</b>	<b>4.647.718.017</b>	<b>-</b>	<b>9.104.334.076</b>	<b>-</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 10, Quốc lộ 1, khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Mua trong năm	74.750.000	-	-	-	74.750.000
Thanh lý (*)	(15.876.110.942)	(790.289.403)	-	-	(16.666.400.345)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>8.249.262.361</b>	<b>900.153.540</b>	<b>1.354.740.095</b>	<b>90.323.636</b>	<b>10.594.479.632</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	24.050.623.285	1.690.442.943	1.100.665.035	90.323.636	26.932.054.899
Khấu hao trong năm	2.076.406	-	101.629.992	-	103.706.398
Thanh lý	(15.876.110.942)	(790.289.403)	-	-	(16.666.400.345)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>8.176.588.749</b>	<b>900.153.540</b>	<b>1.202.295.027</b>	<b>90.323.636</b>	<b>10.369.360.952</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	18	-	254.075.060	-	254.075.078
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>72.673.612</b>	<b>-</b>	<b>152.445.068</b>	<b>-</b>	<b>225.118.680</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.503.429.632 VND.

Trong năm, Công ty đã thanh lý các TSCĐ gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Biên Hoà 1 để phục vụ công tác di dời trụ sở theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hoà 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 10, Quốc lộ 1, khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	1.649.350.000	1.649.350.000	696.987.500	696.987.500
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	977.660.000	977.660.000	744.750.000	744.750.000
Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	491.410.268	491.410.268	-	-
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	272.299.992	272.299.992	1.278.000.000	1.278.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	307.347.817	307.347.817	1.558.594.852	1.558.594.852
<b>Cộng</b>	<b>3.698.068.077</b>	<b>3.698.068.077</b>	<b>4.278.332.352</b>	<b>4.278.332.352</b>

**4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	656.119.553	1.741.955.993	1.107.294.175	-	21.457.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	915.644.103	1.625.137.955	1.456.916.386	-	747.422.534
Thuế thu nhập cá nhân	-	263.814.772	486.905.893	247.382.048	-	24.290.927
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	89.923.688	-	223.193.373	313.117.061	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>89.923.688</b>	<b>1.835.578.428</b>	<b>4.083.193.214</b>	<b>3.133.709.670</b>	<b>-</b>	<b>793.171.196</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương còn phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trích tiền thuê đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	98.929.567	125.795.230
<b>Cộng</b>	<b>3.519.641.796</b>	<b>3.546.507.459</b>

**4.11. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.841.523.000	1.751.688.000
Các khoản phải trả khác	3.654.563	974.125
<b>Cộng</b>	<b>1.845.177.563</b>	<b>1.752.662.125</b>

**4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2025	2.227.021.581
Trích trong năm	1.000.000.000
Chi trong năm	(1.518.039.100)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>1.708.982.481</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000.000	568.007.905	5.862.481.579	106.430.489.484
Lãi trong năm trước	-	-	3.939.479.088	3.939.479.088
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.112.000.000)	(1.112.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	100.000.000.000	568.007.905	4.689.960.667	105.257.968.572
Lãi trong năm nay	-	-	6.390.532.219	6.390.532.219
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2023			(583.200)	(583.200)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>568.007.905</b>	<b>7.079.909.686</b>	<b>107.647.917.591</b>

Việc phân phối lợi nhuận trong năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025. Trong đó, cổ tức chia cho bên liên quan là 2.163.240.000 VND – Xem thêm Mục 8.

**4.13.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.390.532.219 (1.300.000.000)	3.939.479.088 (1.000.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.090.532.219	2.939.479.088
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>509</b>	<b>294</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty (Tạm) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.390.532.219 (1.300.000.000)	3.939.479.088 (1.000.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.090.532.219	2.939.479.088
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>509</b>	<b>294</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2025.

**4.13.5. Cổ tức**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	1.751.688.000	1.750.738.000
Cổ tức phải trả	3.000.000.000	4.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(2.910.165.000)	(3.999.050.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.841.523.000</b>	<b>1.751.688.000</b>

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
USD	1.858,70	1.871,90

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng (*)	229.269.256.187	217.153.297.313
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.125.828.313	2.801.894.615
<b>Cộng</b>	<b>231.395.084.500</b>	<b>219.955.191.928</b>

(\*) Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan  
- Xem thêm Mục 8

1.671.458.000

307.125.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	220.915.347.859	209.486.580.721

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	4.886.089.452	4.768.874.949
Lãi bán hàng trả chậm	321.878.941	161.237.395
<b>Cộng</b>	<b>5.207.968.393</b>	<b>4.930.112.344</b>

**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	3.176.662.916	3.028.244.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18	182.954.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.494.032.129	1.997.992.672
Chi phí khác	232.874.044	347.987.661
<b>Cộng</b>	<b>4.903.569.107</b>	<b>5.557.179.481</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.166.002	132.384.997
Chi phí nhân viên	3.471.525.684	3.199.254.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.706.380	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	342.201.054	519.198.868
Hoàn nhập dự phòng	-	(250.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.317.164.628	918.665.794
Chi phí khác	192.990.859	104.643.928
<b>Cộng</b>	<b>5.554.754.607</b>	<b>4.725.777.579</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá mua hàng hóa	220.913.115.318	209.477.649.984
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	240.184.257	307.691.420
Chi phí nhân viên	6.648.188.600	6.227.498.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.706.398	284.584.590
Hoàn nhập dự phòng	-	(250.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.153.397.811	3.435.857.334
Chi phí khác	315.079.189	286.255.903
<b>Cộng</b>	<b>231.373.671.573</b>	<b>219.769.537.781</b>

**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	3.010.000.000	-
Thu nhập khác	152.387.899	44.191.437
<b>Cộng</b>	<b>3.162.387.899</b>	<b>44.191.437</b>

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.015.086.974	4.951.848.860
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	96.000.000	96.000.000
Chi phí không hợp lệ	11.686.803	-
Phạt vi phạm hành chính về đăng ký đất đai	-	14.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.122.773.777	5.061.848.860
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.624.554.755</b>	<b>1.012.369.772</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	<b>Bảng cân đối kế toán</b>		<b>Báo cáo KQHĐKD</b>	
	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất trích trước	684.142.446	684.142.446	-	-
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>684.142.446</b>	<b>684.142.446</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.115.662.000	30.786.368.800

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(37.115.662.000)	(30.786.368.800)

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 10, Quốc lộ 1, khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		TP. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	210.581.616.171	182.776.486.928	20.813.468.329	37.178.705.000	231.395.084.500	219.955.191.928
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Lợi nhuận gộp	10.460.259.146	10.424.349.207	19.477.495	44.262.000	10.479.736.641	10.468.611.207
Thu nhập tài chính					5.207.968.393	4.930.112.344
Chi phí tài chính					(288.797.800)	(194.109.068)
Chi phí bán hàng					(4.903.569.107)	(5.557.179.481)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(5.554.754.607)	(4.725.777.579)
Lợi nhuận khác					3.074.503.454	30.191.437
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(1.624.554.755)	(1.012.369.772)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>6.390.532.219</b>	<b>3.939.479.088</b>

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại 629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hoạt động vào ngày 24 tháng 12 năm 2025 theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.

Tất cả tài sản và nợ phải trả của Công ty đều ở tỉnh Đồng Nai.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |                          |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai                  | Công ty mẹ               |
| 2. Công ty Cổ phần Cao su Công Nghiệp                           | Công ty cùng tập đoàn    |
| 3. Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b><u>Năm 2025</u></b> <b><u>VND</u></b>	<b><u>Năm 2024</u></b> <b><u>VND</u></b>
Doanh thu bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty Cổ phần Cao Su Công Nghiệp	1.671.458.000	307.125.000
Chia cổ tức – Xem thêm Mục 4.13.1:		
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	2.163.240.000	2.884.320.000

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 10, Quốc lộ 1, khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2025 VND			Năm 2024 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 01/03/2026)	-	560.999.296	560.999.296	-	703.931.799	703.931.799
Ông Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20/06/2025) Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/05/2025)	30.000.000	176.920.000	206.920.000	60.000.000	484.094.761	544.094.761
Ông Ngô Huỳnh Minh	Phó Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 20/06/2025) Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 02/06/2025) Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/12/2025) Quyên Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2026)	24.000.000	352.190.039	376.190.039	-	411.640.847	411.640.847
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	36.000.000	-	36.000.000	36.000.000	-	36.000.000
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	-	256.544.842	256.544.842	-	319.167.812	319.167.812
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (Bỏ nhiệm ngày 20/06/2025)	15.000.000	-	15.000.000	-	-	-
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hoà	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/06/2025)	15.000.000	-	15.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	-	30.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Ông Nguyễn Hồng Quân	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 02/06/2025)	6.000.000	161.571.185	167.571.185	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>156.000.000</b>	<b>1.508.225.362</b>	<b>1.664.225.362</b>	<b>156.000.000</b>	<b>1.918.835.219</b>	<b>2.074.835.219</b>

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



**Ngô Huỳnh Minh**  
Quyền Giám đốc

**Nguyễn Hồng Quân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Hồng Quân**  
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2026





Số: 01/BC.HĐQT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**

Kính thưa Quý vị đại biểu và Quý cổ đông Công ty

Trước tiên, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty xin cảm ơn và nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt tham dự Đại hội của Quý vị đại biểu, Quý cổ đông của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai.

Với nhiệm vụ và quyền được quy định trong Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng trong năm 2025 và định hướng chiến lược, kế hoạch mục tiêu Hội đồng quản trị giao Ban Điều hành thực hiện năm 2026 và thời gian tiếp theo như sau:

**A. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trong nhiệm kỳ 2025-2030, nhân sự HĐQT có sự thay đổi như sau:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/06/2025, đã bầu Thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- + Bà Phan Thị Anh Thy;
- + Ông Ngô Huỳnh Minh;
- + Bà Nguyễn Thị Kim Quy.

Hội đồng quản trị đã bầu bà Phan Thị Anh Thy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 10/02/2026:

+ Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT đối với bà Phan Thị Anh Thy do nghỉ hưu theo chế độ;

+ Bầu bổ sung Ông Lê Phước Hùng, giữ nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030

- Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên như sau:

- + Ông Lê Phước Hùng – Chủ tịch;
- + Ông Ngô Huỳnh Minh – Thành viên;
- + Bà Nguyễn Thị Kim Quy – Thành viên.

**B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025**

**1. Thuận lợi và khó khăn:**

- Công ty Docam là doanh nghiệp hoạt động lâu năm trong ngành phân bón, nông sản; có uy tín, thương hiệu và tình hình tài chính lành mạnh.

- Trong năm 2025, kinh tế thế giới vẫn tồn tại nhiều rủi ro, thách thức; đặc biệt

là căng thẳng địa chính trị trên thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nhập khẩu hàng hoá của Công ty, do chi phí vận chuyển, lưu thông hàng hoá tăng cao; cạnh tranh về thương mại gia tăng; thiên tai và khí hậu cực đoan vẫn thường trực, trong khi lạm phát và lãi suất dù giảm nhưng còn cao, khiến rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn hiện hữu.

- Tỷ giá trong năm 2025 diễn biến bất thường ảnh hưởng không nhỏ đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá.

- Giá phân bón diễn biến khó lường do chính sách áp thuế bất ngờ lên phân bón của Mỹ, hạn chế xuất khẩu phân bón của Trung Quốc và Châu Âu bắt đầu áp thuế lên phân bón Nga và Belarus. Trong năm 2025 giá phân bón đã có sự biến động bất thường, rủi ro cao (giá lên nhanh và xuống rất nhanh với biên độ giao động giá rất lớn).

- Hoạt động kinh doanh nông sản (mì lát) của Công ty bị giảm mạnh do tình hình dịch bệnh nên đối tác là các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản không mua hàng hoặc mua rất ít.

- Khó khăn tác động lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty năm 2025 là việc phải di dời trụ sở chính và hệ thống kho bãi ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

## 2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2025:

### 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 so với 2024 và so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH 2025 (%)	Thực hiện 2025/2024 (%)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	19.654	18.000	20.517	113,9	104,4
Doanh thu thuần	Tr.đ	219.955	202.605	231.395	114,2	105,2
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	4.951	5.050	8.015	158,7	161,8
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	3.939	4.040	6.391	158,2	162,3
Nộp ngân sách	Tr.đ	1.688	1.300	4.083	314,1	241,9
Cổ tức	%	3%	3%	5%	166,6	166,6

Năm 2025, là năm có nhiều khó khăn và thách thức đối với Công ty cũng như tất cả các công ty kinh doanh phân bón, nông sản. Trong bối cảnh đó, Công ty đã nỗ lực hết sức, thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh linh hoạt, tận dụng mọi cơ hội để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025 tăng so với cùng kỳ trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế. Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 20.517 tấn tăng 4,4% so với năm 2024 và bằng 113,9% chỉ tiêu kế hoạch năm đề ra. Sản lượng đạt kết quả khá tích cực đó là nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức tiêu thụ toàn xã hội đều giảm trong năm qua. Doanh thu thuần của Công ty trong năm qua đạt 231.395 triệu đồng, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước và vượt kế hoạch doanh thu được giao 4,2%. Sau giai đoạn (năm 2021, 2022) giá phân bón đạt đỉnh do thiếu nguồn cung trên thế giới nhưng từ năm 2023 đến năm 2025 giá phân bón bắt đầu giảm

mạnh, trở lại giá trị thực của nó nên lợi nhuận gộp từ phân bón thấp. Trong năm 2025, lợi nhuận sau thuế đạt 6.391 triệu đồng, đạt 158,2% so với kế hoạch và bằng 162,3% so với năm 2024.

Tóm lại, Công ty đã hoàn thành vượt tất cả các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 20/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

## 2.2 Cơ cấu sản phẩm:

Sản phẩm kinh doanh	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH 2025 (%)	Thực hiện 2025/2024 (%)
- Phân bón kinh doanh	Tấn	19.144	14.995	17.811	118,8	93,0
- Nông sản	Tấn	510	3.005	2.706	90,1	530,6
<b>Cộng sản lượng:</b>	<b>Tấn</b>	<b>19.654</b>	<b>18.000</b>	<b>20.517</b>	<b>113,9</b>	<b>104,4</b>

Trong năm qua, tuy hoạt động kinh doanh có khó khăn nhưng sản lượng hàng bán ra của Công ty vẫn tăng 4,4% so với năm 2024; tổng sản lượng tiêu thụ hàng hóa của Công ty thực hiện tăng 13,9% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, phân bón vẫn là mặt hàng kinh doanh chính chủ lực và quan trọng nhất của Công ty khi chiếm đến 86,8% tổng sản lượng. Năm nay, phân bón tiêu thụ tăng 18,8% so với kế hoạch, bù đắp phần sụt giảm của mặt hàng nông sản khoai mì. Ngược lại, với phân bón có mức tăng trưởng khá, thì mặt hàng còn lại là nông sản khoai mì ghi nhận mức đạt 90,1% so kế hoạch. Nguyên nhân là do các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi không mua hàng vì tình hình dịch bệnh trên vật nuôi, làm sản lượng sụt giảm so với dự kiến khi xây dựng kế hoạch.

## 2.3 Cơ cấu doanh thu:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện được 231.395 tỷ đồng, bằng 105,2% so với cùng kỳ năm 2024. Chi tiết doanh thu năm 2025 như sau:

Mặt hàng	Năm 2024 (Triệu đồng)	Năm 2025 (Triệu đồng)	Năm 2025/2024 (%)
Doanh thu phân bón kinh doanh	213.958	216.529	102,2
Doanh thu nông sản	3.194	12.740	398,9
Doanh thu dịch vụ, khác	2.803	2.126	75,8
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>219.955</b>	<b>231.395</b>	<b>105,2</b>

Năm 2025, tổng doanh thu đạt 231.395 triệu đồng tương ứng với mức tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước và đạt 114,2% so với kế hoạch.

Trong đó, doanh thu phân bón đạt 216.529 triệu đồng tăng 2,2% so với năm 2024 là do giá phân bón kinh doanh tăng nhẹ so với cùng kỳ. Mặt hàng nông sản (khoai mì) là mặt hàng kinh doanh quan trọng thứ hai của Công ty năm nay chiếm tỷ trọng 5,5% tổng doanh thu. Doanh thu nông sản đạt 12.740 triệu đồng với mức tăng 298,9% so với năm 2024.

Ngoài ra, doanh thu đến từ cung cấp dịch vụ khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ là

0,9% trong năm 2025 và ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do khách hàng trả kho thuê vì ảnh hưởng di dời Khu công nghiệp Biên Hòa 1.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu năm 2025, doanh thu phân bón chiếm trọng cao 93,4% đã có sự tăng trưởng so với năm 2024, doanh thu các mặt hàng khác của Công ty cũng tăng so với năm 2024.

#### 2.4 Cơ cấu lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024 (đồng)	Thực hiện 2025 (đồng)	Tỷ trọng 2025 (%)	So sánh 2025/2024 (%)
1	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.921.657.423	4.940.583.520	61,6	100,4
2	Lợi nhuận khác	30.191.437	3.074.503.454	38,4	10.183,4
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.951.848.860</b>	<b>8.015.086.974</b>	<b>100%</b>	<b>161,8</b>

Năm 2025, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 158,7% kế hoạch và bằng 161,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chiếm 61,6% và lợi nhuận từ hoạt động khác (thanh lý TSCĐ) chiếm 38,4%. Lợi nhuận từ hoạt động khác phát sinh vào cuối năm 2025, Công ty phải thanh lý toàn bộ TSCĐ tại trụ sở chính vì phải di dời trụ sở chính ra khỏi KCN Biên Hòa 1 theo Quyết định thu hồi đất số 2361/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND Phường Trảng Biên – Tỉnh Đồng Nai để thực hiện đề án chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại – dịch vụ và cải thiện môi trường tại phường Trảng Biên.

#### Đánh giá chung:

Năm 2025, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh từ những diễn biến chính trị và tài chính, khiến hoạt động thương mại hàng hoá đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là tình hình chiến sự leo thang làm gián đoạn chuỗi cung ứng, tỷ giá biến động bất thường đã tạo ra áp lực đáng kể lên các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

Trong điều kiện chung của nền kinh tế còn vô vàn khó khăn, trong đó có ngành kinh doanh phân bón, nông sản thì kết quả đạt được như trên là sự cố gắng của tập thể Ban Điều hành và tập thể người lao động Công ty. Năm 2025, Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ, các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh do chủ sở hữu nhà nước, Đại hội đồng cổ đông giao, bảo toàn và phát triển vốn, giữ được thị phần, cung cấp nguồn phân bón chất lượng đến tay người nông dân.

Tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty đạt doanh thu thuần 231,4 tỷ đồng, tương đương 114,2% kế hoạch; sản lượng tiêu thụ đạt 20.517 tấn, bằng 113,9% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 8,02 tỷ đồng bằng 158,2% kế hoạch. Khả năng tài chính của Công ty tốt, đã bảo toàn phát triển vốn của chủ sở hữu. Trong quá trình hoạt động, Công ty tuân thủ tốt nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách theo quy định. Công ty đã duy trì được việc làm thường xuyên cho công nhân viên, đời sống vật chất, tinh thần người lao động được cải thiện, thu nhập bình quân người lao động khá cao; Công ty đóng đầy đủ các khoản

bảo hiểm cho người lao động. Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh-tài chính được cấp thẩm quyền giao. Qua đó, cũng là cơ sở quan trọng để Hội đồng quản trị đề xuất dự kiến mức chia cổ tức cho các cổ đông.

### **3. Hoạt động và thù lao của HĐQT năm 2025**

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên giúp Ban Điều hành thực hiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả và được lưu trữ theo quy định.

#### **3.1. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025**

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025 vào ngày 20/06/2025 và triển khai 08 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT, ban hành 18 nghị quyết và các thông báo, tài liệu liên quan.

- Tất cả các cuộc họp đều được chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến từng thành viên trước cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT có mời Ban Điều hành, Ban Kiểm soát tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành.

- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho các ý kiến bằng văn bản, góp phần đạt kết quả kinh doanh năm 2025 mà ĐHĐCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán, giám sát,... đã được thực thi nghiêm túc, cẩn trọng. Các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển ổn định của Công ty.

- HĐQT giám sát, chỉ đạo và đảm bảo thông tin được công bố đầy đủ, minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, thực hiện nghiêm túc Báo cáo tài chính năm, Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng và cả năm, Báo cáo thường niên.

#### **3.2. Thù lao, tiền lương và chi phí của HĐQT năm 2025**

Việc chi trả thù lao, lương, thưởng của HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát (gọi chung là Người quản lý Công ty) được thực hiện theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 họp ngày 20/06/2025, Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và Văn bản số 185/TCTCNTP-HĐTV ngày 27/03/2026 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai v/v chấp thuận Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của Công ty; chi tiết như sau:

Stt	Người quản lý Công ty	Tổng lương công việc (đồng)	Tổng thù lao (đồng)
I	Hội đồng quản trị:		

1	Phan Thị Anh Thy - TV chuyên trách, Chủ tịch HĐQT	560.999.296	/
2	Cao Hùng Lai - TV. PCT	/	30.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Quy – TV	/	36.000.000
4	Ngô Huỳnh Minh - TV. PCT		24.000.000
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát:</b>		
1	Đoàn Tuấn Anh – TBKS	256.544.842	/
2	Trương Nguyễn Ngọc Hòa - TV	/	15.000.000
3	Nguyễn Thị Diệu Linh – TV	/	30.000.000
4	Ngô Thị Cẩm Hà		15.000.000
<b>III</b>	<b>Ban điều hành:</b>		
1	Cao Hùng Lai – Phó Giám đốc	176.920.000	/
2	Ngô Huỳnh Minh – KTT, P.Giám đốc	352.190.039	/
3	Nguyễn Hồng Quân – KTT	161.571.185	6.000.000

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với những biến động lớn, việc duy trì sự tăng trưởng và ổn định cho doanh nghiệp là một thách thức không nhỏ. Tại Docam, các chiến lược kinh doanh đã được triển khai đã phản ánh sự linh hoạt trong quản lý và sự quyết tâm của HĐQT, Ban Điều hành cùng các cán bộ quản lý. Nhờ đó, Docam không chỉ vượt qua khó khăn mà còn vượt chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra, tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định trong giai đoạn mới.

## **C. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

### **I. Mục tiêu chủ yếu của công ty**

Khẳng định vị thế là doanh nghiệp cung ứng phân bón đảm bảo chất lượng tại khu vực Đông Nam bộ và Tây nguyên.

### **II. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.
- Tập trung vào các hoạt động kinh doanh có khả năng tạo ra giá trị; tăng cường quản lý rủi ro, tối ưu hóa hiệu suất tài chính để đảm bảo sự ổn định, bền vững cho Công ty.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, lâu dài với các nhà cung ứng và đại lý, khách hàng lâu năm để tối đa hóa giá trị chuỗi cung ứng.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng của DOCAM là nền tảng vững chắc, điểm tựa giúp Công ty phát triển bền vững. Xây dựng môi trường làm việc tích cực và đảm bảo sự hài lòng, cam kết từ người lao động.
- Tìm kiếm vị trí phù hợp trong Khu công nghiệp/Cụm công nghiệp để xây dựng Trụ sở chính và nhà kho với quy mô phù hợp để ổn định sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững trong tương lai.

### **III. Định hướng và kế hoạch năm 2026**

#### **1. Dự báo và định hướng:**

- Dự báo năm 2026, tình hình thiên tai, bão lũ tại Việt Nam sẽ diễn ra nghiêm trọng và khắc nghiệt hơn, điều này sẽ làm sản lượng tiêu thụ phân bón tiếp tục sụt giảm mạnh.

- Trong những tháng đầu năm, kinh tế thế giới đầy biến động, bất ổn, khó lường; kinh tế trong nước chưa bền vững, giá cả biến động thất thường do chính sách thuế của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU,... và đặc biệt là cuộc xung đột vũ trang tại khu vực Trung Đông ngày càng leo thang đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong 5 tháng đầu năm 2026, thị trường phân bón thế giới bước vào giai đoạn biến động mạnh nhất kể từ sau khủng hoảng 2022. Xu hướng chung là giá tăng mạnh, nguồn cung thắt chặt và rủi ro địa chính trị trở thành yếu tố chi phối chính, chỉ số giá phân bón toàn cầu đã tăng hơn 12%. Các nguyên nhân chính gồm:

- Chi phí năng lượng và khí tự nhiên duy trì cao;
- Cước vận tải và bảo hiểm tăng mạnh ;
- Xung đột Trung Đông làm gián đoạn tuyến Hormuz ;
- Trung Quốc siết xuất khẩu phosphate;
- Nhu cầu nhập khẩu mạnh từ Ấn Độ, Brazil và Đông Nam Á;
- Đặc biệt, eo biển Hormuz — nơi đi qua khoảng 1/3 lượng phân bón giao dịch toàn cầu — trở thành “điểm nghẽn” lớn nhất của thị trường đầu năm 2026.

- Mặt khác, nhu cầu phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nước vẫn có, (đặc biệt trong giai đoạn chuẩn bị các vụ sản xuất chính) nhưng sự mất cân đối giữa cung và cầu đã khiến giá phân bón trên thị trường liên tục tăng trong thời gian qua. Tình trạng giá phân bón tăng mạnh đã tác động trực tiếp đến chi phí đầu vào trong sản xuất nông nghiệp, gây khó khăn cho người nông dân khi chi phí tăng cao, vượt quá khả năng chi trả của người dân, dự báo lượng phân bón nông dân sẽ sử dụng ít đi. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch tiêu thụ và làm giảm đáng kể sản lượng tiêu thụ của Công ty.

- Giá phân bón diễn biến khó lường, có sự biến động bất thường, rủi ro cao, giá lên nhanh và cũng có thể xuống rất nhanh với biên độ giao động giá rất lớn. Trước khi chiến sự giữa Mỹ và Iran diễn ra giá phân bón trong xu hướng giảm nên Công ty không tồn trữ nhiều. Hiện tại, Công ty cũng không còn nhiều hàng để bán, cũng không mua được hàng mới vì giá quá cao, hàng hóa khan hiếm, sức mua suy giảm. Thị trường phân bón đang bị tê liệt.

- Đầu năm giá nông sản (khoai mì) giảm khoảng 20-25% so với cùng kỳ năm trước, song các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi/thủy sản vẫn hạn chế mua hàng hoặc mua rất ít. Kinh doanh khoai mì lát trong năm 2026 của công ty tiếp tục đối mặt với những khó khăn tương tự các năm trước; việc tiêu thụ mặt hàng khoai mì lát cho các nhà máy thức ăn chăn nuôi/thủy sản không mang tính khả thi cao. Công ty đang tìm kiếm hợp tác với các đối tác khác ngoài nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi để kinh doanh mặt hàng này.

- Do chiến sự ở khu vực Trung Đông, Biển Đỏ nên trong năm 2026 những mặt hàng chiến lược của Công ty đi từ Jordan có thể không về kịp thời gian giao hàng cũng như làm tăng rất cao chi phí bảo hiểm, logistics,... Dự báo điều này sẽ tiếp tục

leo thang trong thời gian tới. Vì vậy, để đối phó, Công ty sẽ phải mua dự trữ trước, việc này sẽ làm suy giảm lợi nhuận những mặt hàng này.

## **2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

### **2.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2026:**

- Sản lượng tiêu thụ: 12.067 tấn;
- Tổng Doanh thu: 227.600 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 4.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 3.200 triệu đồng;
- Các khoản phải nộp ngân sách: 1.806 triệu đồng;
- Cổ tức: dự kiến tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

### **2.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện:**

Nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, nhất là phải nỗ lực tối đa để phấn đấu cao nhất trong việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch được giao, bảo đảm hiệu quả kinh doanh, Công ty cần quyết liệt triển khai một số biện pháp như sau:

1/ Xác định phân bón và nông sản vẫn là 02 mặt hàng cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, bên cạnh đó vẫn tiếp tục duy trì hoạt động dịch vụ cho thuê kho (nhàn rỗi) để tránh lãng phí tài sản.

2/ Đối với hoạt động thương mại phân bón: cần tập trung, vận dụng tất cả các biện pháp để làm tốt công tác cung ứng phân bón, đặc biệt là phân bón cho vụ Hè Thu, vụ mùa và vụ thuốc lá năm 2026, nhằm mang lại lợi nhuận tốt nhất cho công ty. Tích cực liên hệ để bán phân bón vào các nhà máy sản xuất. Chủ động tìm kiếm khách hàng để xuất khẩu phân bón nhằm tăng doanh thu và có nguồn ngoại tệ đáp ứng nhu cầu nhập khẩu hàng hóa cuối năm.

3/ Về kinh doanh nông sản (khoai mì lát,...) tiếp tục khảo sát tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, quan tâm hợp tác kinh doanh liên kết với cổ đông lớn và các đơn vị thuộc tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

4/ Sử dụng có hiệu quả các diện tích đất, tài sản đang quản lý, góp phần tăng doanh thu cho công ty.

5/ Có phương án sử dụng lao động hợp lý, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh; quan tâm tình hình đời sống, bảo đảm thu nhập, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chính sách cho người lao động.

6/ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, xây dựng đội ngũ kế thừa.

7/ Áp dụng phương thức chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh của công ty.

Ngoài ra, Công ty còn phải tích cực tìm hiểu thị trường, mở rộng kinh doanh các mặt hàng mới nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận.

## **3. Hoạt động đầu tư:**

- Xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng để đầu tư mới Nhà văn phòng làm việc và Nhà kho với quy mô phù hợp tại địa điểm mới (trong khu công nghiệp/cụm công nghiệp) thay thế cho cơ sở vật chất ở địa điểm Khu công nghiệp Biên Hòa 1 bị thu hồi theo chủ trương của Nhà nước.

- Thủ tục trong việc đầu tư mới phải trải qua nhiều bước, nhiều giai đoạn theo quy định, Công ty cần có thời gian tính toán chi tiết cụ thể nhằm đảm bảo hiệu quả kinh tế của việc sử dụng vốn và công tác đầu tư. Do đó, HĐQT chưa thể trình kế hoạch cụ thể trong đại hội này. Sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị, HĐQT sẽ trình đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

Kính thưa Đại hội,

Với quyết tâm cao của HĐQT, của Ban Điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động Công ty, cùng với các ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị cổ đông. Chúng tôi tin tưởng rằng sẽ mang lại những tác động hữu ích, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng được ngày càng tốt hơn.

HĐQT mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Docam nỗ lực hết sức để vượt qua thách thức, khó khăn của năm 2026, tạo đà tăng trưởng cho thời gian tiếp theo; qua đó gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Kính chúc Quý vị đại biểu, toàn thể Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ thường niên 2026;
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu HC, HĐQT./.

**Lê Phước Hùng**



## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Năm 2025

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai.

Căn cứ Báo cáo tài chính 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán & Tư Vấn RSM Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán độc lập số: 517/2026/KT-RSMHCM ngày 30/03/2026.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty năm 2025 như sau:

### PHẦN A: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH – QUẢN LÝ VỐN, TÀI SẢN

#### I. Kết quả kinh doanh

##### 1. So sánh kế hoạch

NỘI DUNG	ĐVT	TH 2025	KH 2025	% TH/KH 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	231.395	202.605	114,20%
2. Tổng Sản lượng	tấn	20.517	18.000	113,98%
Trong đó:				
- Phân bón các loại	tấn	17.811	14.995	118,78%
- Nông sản, thực ăn gia súc và loại khác	tấn	2.700	3.000	90,00%
- Lúa Giống	tấn	6	5	120,00%
3. Lợi nhuận trước thuế	trđ	8.015	5.050	158,71%
4. Lợi nhuận sau thuế	trđ	6.391	4.040	158,18%
5. Phải nộp ngân sách nhà nước	trđ	4.086	1.300	314,31%

##### 2. So sánh cùng kỳ

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2023	2025 so với 2024 tăng (+), giảm (-)		2024 so với 2023 tăng (+), giảm (-)	
					Giá trị	Giá trị	Giá trị	%
1. Doanh thu BH và DV	trđ	231.395	219.955	236.329	11.440	+5,20%	-16.374	-7,0%
2. Doanh thu tài chính	trđ	5.208	4.930	7.520	278	+5,64%	-2.590	- 34,44%
3. Thu nhập khác	trđ	3.162	44	2	3.118	+7.086,36%	42	+2.100%
4. Lợi nhuận trước thuế	trđ	8.015	4.952	5.921	3.063	+61,85%	-969	-16,37%
5. Lợi nhuận sau thuế	trđ	6.391	3.939	4.717	2.452	+62,25%	-778	-16,49%

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực hiện năm 2025 đạt 114,20% so với kế hoạch và tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2025 là 8.015 triệu đồng đạt 158,71% so với kế hoạch và tăng 61,85% so với cùng kỳ năm 2024. Cơ cấu lợi nhuận như sau:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là: 4.941 triệu đồng,
- Lợi nhuận khác là: 3.074 triệu đồng.

## II. Tình hình tài chính

### 1. Khả năng sinh lời

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Tỷ suất LN sau thuế/DTT (ROS)	%	2,76	1,79
2	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5,25	3,26
3	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH bình quân (ROE)	%	6,00	3,72
4	Tỷ suất LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,14	2,24

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 6.391 triệu đồng, tăng 62,25 % so với năm 2024. Điều này làm các chỉ số về khả năng sinh lời năm 2024 có tăng hơn năm trước. Chỉ số ROA và ROE lần lượt là 5,25 % và 6,00 % tăng hơn so với năm 2024.

### 2. Khả năng thanh toán

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	7,89	8,07
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,59	7,45
3	Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	%	12,66	12,30
4	Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	14,50	14,02

Trong năm, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty điều chỉnh nhẹ từ 8,07 lần xuống 7,89 lần, chủ yếu do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn vượt qua tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Tổng tài sản ngắn hạn tăng 2,66% từ 119,07 tỷ lên 122,24 tỷ đồng năm 2025 chủ yếu do khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng tăng mạnh. Tổng nợ ngắn hạn tăng 5,76% từ 14,76 tỷ lên 15,49 tỷ đồng năm 2025.

Ngoài ra, hàng tồn kho 4,65 tỷ đồng, giảm đáng kể 48,95% so với cùng kỳ năm 2024 do giảm hàng mua đang đi đường. Tốc độ giảm của hàng tồn kho lớn hơn nhiều so với tốc độ tăng của tài sản và nợ ngắn hạn, là nguyên nhân trực tiếp khiến hệ số thanh toán nhanh giảm trong kỳ.

Khả năng thanh toán của DOCAM nhìn chung có biến động nhẹ trong năm 2025 nhưng không đáng kể và các hệ số thanh toán vẫn được duy trì ở mức cao nên Công ty có khả năng

tự chủ rất tốt và vẫn hạn chế được rủi ro thanh khoản trước tình hình kinh tế khó khăn trong năm vừa qua.

Tỷ số nợ trên tổng tài sản tăng nhẹ từ 12,30% lên 12,66% chủ yếu là nợ mua bán hàng ngày. Bên cạnh đó, nguồn vốn của Công ty chủ yếu là vốn chủ sở hữu cũng được ghi nhận tăng nhẹ. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ mức 14,02% lên 14,50% trong năm 2024.

Hệ số nợ phải trả so với nguồn vốn vẫn cho thấy khả năng độc lập về mặt tài chính của Công ty, khả năng tài chính của công ty rất tốt do đó mức độ rủi ro tài chính từ những biến động trên thị trường tài chính là rất thấp.

### III. Quản lý tài sản

#### 1. Tình hình quản lý tài sản

##### a. Quản lý tiền và hàng tồn kho

- Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm là 9.629 trđ, bao gồm 10 trđ tiền mặt ; 9.619 trđ tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm cuối năm là các khoản tiền gửi kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng HD Bank, VP Bank, Vietinbank, Vietcombank, Agribank với lãi suất từ 4,02% đến 7,6%/năm.

- Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 4.678 trđ. Các mặt hàng phân bón tồn kho cuối năm là hàng hóa và còn hạn sử dụng.

##### b. Quản lý tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm là: 10.594 trđ, trong đó nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 10.369 trđ. Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm là: 104 trđ, giá trị còn lại đến cuối năm là: 225 trđ.

Trong năm, công ty đã thanh lý các TSCĐ gắn liền với đất tại KCN Biên Hòa 1 để phục vụ công tác di dời trụ sở theo Đề án của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai về chuyển đổi KCN Biên Hòa 1 thành khu đô thị - thương mại – dịch vụ.

Nhìn chung, Công ty quản lý tài sản cố định tương đối chặt chẽ, có mở thẻ cho tất cả các tài sản hiện có; Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tình hình quản lý công nợ

##### - Tình hình quản lý công nợ phải thu

Chỉ tiêu	2025	2024
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	13.717.725.959	21.425.218.336
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.957.619.284	25.110.905.323
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	484.656.626	51.452.361
3. Phải thu ngắn hạn khác	251.280.372	238.690.975
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.975.830.323)	(3.975.830.323)

- Tổng nợ phải thu tại thời điểm cuối năm của Công ty là 13.717 trđ, chủ yếu là khoản phải thu khách hàng 16.958 trđ, trả trước cho người bán 485 trđ, phải thu ngắn hạn khác 251

trđ. Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 98%.

**- Tình hình quản lý công nợ phải trả :**

- Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là 15.604 trđ, chủ yếu là nợ phải trả trong kinh doanh với khoản phải trả người bán 6.698 trđ, người mua trả tiền trước 1.248 trđ, phải trả người lao động là 1.639 trđ, chi phí phải trả ngắn hạn là 3.519 trđ, phải trả ngắn hạn khác 1.845 trđ (*chủ yếu là tiền cổ tức phải trả cho cổ đông*), ... Cuối năm, Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng với tỷ lệ đối chiếu được là 98%.

- Công ty quản lý tình hình công nợ khá tốt, hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn. Công ty thực hiện đối chiếu công nợ với khách hàng tuân thủ quy định tại Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ của Công ty.

**IV. Thực hiện nghĩa vụ, chế độ quy định**

**1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (đvt: trđ)**

<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Số đầu kỳ</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
- Thuế giá trị gia tăng	21	1.742	1.107	656
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	747	1.625	1.454	916
- Thuế thu nhập cá nhân	24	487	247	174
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	223	313	-
- Lệ phí môn bài	-	9	9	-
<b>Cộng</b>	<b>793</b>	<b>4.083</b>	<b>3.133</b>	<b>1.746</b>

- Tổng số phải nộp NSNN trong năm là 4.083 trđ đạt 314 % so với kế hoạch.

- Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đã thực hiện kê khai và nộp tất cả các khoản thuế đúng theo quy định hiện hành.

**2. Tiền lương và các khoản trích theo lương**

Trong năm, Công ty thực hiện trích lương theo hướng dẫn tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ nội vụ. Tổng quỹ lương thực trích trong năm là 5.338,8 trđ, trong đó:

- Quỹ lương của người lao động là: 4.384,8 trđ; mức lương bình quân đạt 12,200 trđ/tháng/người;

- Quỹ lương của người quản lý là: 954,0 trđ, mức lương bình quân đạt 39,750 trđ/tháng/người.

Công ty đã thực hiện việc trích, chi trả lương theo quy định và thực hiện đầy đủ các khoản đóng bảo hiểm cho người lao động.

## **PHẦN B: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO**

### **I. Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với các quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ tốt các quy định của pháp luật trong tất cả các hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động tích cực, nắm bắt tình hình sâu sát, đề ra các định hướng và các giải pháp kịp thời, phù hợp nhằm khắc phục khó khăn giúp Công ty ổn định và phát triển.

2. Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức họp 08 phiên họp và ban hành các văn bản với các nội dung chính như sau:

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và dự kiến phân phối lợi nhuận 2024 trình ĐHĐCĐ, các giải pháp thực hiện Kế hoạch năm 2025. Thống nhất các nội dung chuẩn bị để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025.

- Thảo luận và đưa ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Nghị quyết về việc Phân bổ tỷ lệ trích quỹ Khen thưởng – Phúc lợi NLĐ năm 2024.

- Nghị quyết về việc vay vốn tín dụng tại Vietinbank - Chi nhánh Đồng Nai.

- Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024 ( tỷ lệ 3,0% mệnh giá CP) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

- Thông qua giao dịch giữa Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với các Công ty, doanh nghiệp có giá trị giao dịch lớn hơn 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính năm 2024

- Nghị quyết HĐQT v/v thông qua giao dịch giữa Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với Công ty cổ phần Cao su công nghiệp (là các công ty con trong Tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai).

- Thanh lý các TSCĐ gắn liền với đất tại KCN Biên Hòa 1, một số TSCĐ khác đã cũ và một số công cụ, dụng cụ, vật rở tiền mau hỏng cần thanh lý khi di dời trụ sở chính Công ty ra khỏi KCN Biên Hòa 1.

- Các nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động Công ty như: Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025; Thành lập Địa điểm Kinh Doanh; Kiện toàn nhân sự Ban Điều hành Công ty; Xây dựng chỉ tiêu nhiệm vụ KH SXKD năm 2026....

### **II. Ban Lãnh Đạo**

Trong năm, Hội đồng Quản trị giao cho Ban Lãnh Đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các nhiệm vụ khác theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Lãnh Đạo đã có những định hướng, kế hoạch phát triển đúng đắn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Lãnh Đạo đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, luôn đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả.

Ban Lãnh Đạo đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

### III. Đánh giá chung

Năm 2025, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo cùng với toàn thể người lao động đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp trong SXKD nhằm khắc phục khó khăn và mang lại lợi nhuận cho Công ty, vốn Công ty được bảo toàn. Tình hình tài chính Công ty hiện tại là an toàn, ổn định.

### PHẦN C: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định BCTC và lập dự thảo báo cáo BKS trình Đại hội cổ đông thường niên, đồng thời BKS cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong năm. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình SXKD, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và việc tuân thủ các quy định pháp luật.

Trong hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động của Công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát được thực hiện tốt hơn.

Các khoản thu nhập từ lương, thưởng và thù lao trong năm 2025 của Ban kiểm soát phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2025 và theo hướng dẫn tại thông tư 28/2016-BLDTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trong năm, số tiền thực nhận chi tiết như sau:

Họ tên	Chức vụ	Lương (VND)	Thù lao (VND)
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS chuyên trách	256.544.842	-
Ngô Thị Cẩm Hà	Kiểm soát viên ( Bổ nhiệm 20/06/2025)	-	15.000.000
Nguyễn Thị Diệu Linh	Kiểm soát viên	-	30.000.000
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Kiểm soát viên ( Miễn nhiệm 20/06/2025)	-	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>256.544.842</b>	<b>60.000.000</b>

### PHẦN D: KIẾN NGHỊ

Kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh Đạo Công ty:

- Duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo an toàn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty, khai thác triệt để các mặt hàng phân bón Công

ty có ưu thế. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường và tăng cường công tác tiếp thị để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt việc quản lý công nợ, tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi. Rà soát các tài liệu, chứng từ liên quan đến những công nợ phải thu khó đòi đã xử lý trích lập dự phòng để tiến hành xử lý nợ theo quy định.

- Tiếp tục chú trọng và làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD và quản lý của Công ty.

## **PHẦN E: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2026**

Để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế, quy định của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về lao động, tiền lương và các chế độ đối với người lao động.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

- Các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty.

*Trên đây là toàn văn Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông.*

*Trân trọng báo cáo!*

### **Nơi nhận:**

- ĐHĐ cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: BKS Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Đoàn Tuấn Anh**



**PHIẾU BIỂU QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**  
**NGÀY 29 THÁNG 06 NĂM 2026**

-----

Quý cổ đông:

Địa chỉ:

Số phiếu biểu quyết:

( Quý cổ đông đánh dấu X vào một ô lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Tờ trình 01:</b> Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Tờ trình 02:</b> Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và Kế hoạch năm 2026. Kế hoạch 2026 như sau: - Sản lượng tiêu thụ: 12.067 tấn - Tổng Doanh thu: 227.600 triệu đồng - Lợi nhuận trước thuế: 4.000 triệu đồng - Lợi nhuận sau thuế: 3.200 triệu đồng - Các khoản phải nộp ngân sách: 1.806 triệu đồng - Cổ tức: dự kiến tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Tờ trình 03:</b> Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Tờ trình 04:</b> Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2025 do Hội đồng quản trị trình Đại hội: Không trích quỹ đầu tư phát triển; Trích quỹ khen thưởng- phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý: 1.300.000.000 đồng; Chia cổ tức bằng tiền, tỷ lệ cổ tức 5% mệnh giá cổ phiếu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Tờ trình 05:</b> Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Người phụ trách quản trị (NPTQT) thực hiện năm 2025. Kế hoạch mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, NPTQT năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Tờ trình 06:</b> <i>Thông qua</i> việc Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, chọn một trong ba đơn vị kiểm toán theo danh sách Đại hội phê duyệt (Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC; Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam và Công ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Tờ trình 07:</b> <i>Thông qua</i> Sửa đổi bổ sung điều lệ công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

*Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026*  
**Cổ đông hoặc đại diện Cổ đông/ Người được ủy quyền**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

1- Cách thức biểu quyết:

\* Quý cổ đông đánh dấu “ X ” vào một ô  được chọn tương ứng với một nội dung biểu quyết.  
 \* Phiếu biểu quyết không đánh bất cứ dấu “ X ” nào hoặc đánh từ 02 dấu “ X ” trở lên trong cùng một nội dung biểu quyết bị coi là không hợp lệ.

2- Cổ đông cần ghi đủ, đúng cách thức biểu quyết và **ký, ghi rõ họ tên** trong Phiếu biểu quyết.

3- Trường hợp Phiếu biểu quyết không ký tên hoặc ghi không đúng cách thức biểu quyết hoặc bị rách nát, tẩy xóa Phiếu biểu quyết sẽ bị coi là không hợp lệ.



Số: 01/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025  
đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, bao gồm:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty ([www.docam.vn](http://www.docam.vn)) và đính kèm trong tài liệu Đại hội.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

Stt	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm tài chính 2025
1	Tổng tài sản	Đồng	123.252.772.590
2	Doanh thu thuần bán hàng và dịch vụ	Đồng	231.395.084.500
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	8.015.086.974
4	Thuế TNDN	Đồng	1.624.554.755
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	6.390.532.219
6	Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	Đồng	4.083.193.214

Báo cáo tài chính với số liệu trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán xác nhận “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán nêu trên theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Phước Hùng**



Số: 02/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2025  
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 14/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai về tổ chức ĐHCĐ thường niên 2026;
- Căn cứ Chương trình, tài liệu họp và các nội dung đã báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

**1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/ KH tăng, giảm (%)
1. Tổng sản lượng	Tấn	18.000	20.517	+ 13,9%
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	202.605	231.395	+ 14,2%
3. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.050	8.015	+ 58,7%
4. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.040	6.391	+ 58,2%
5. Phải nộp ngân sách	Triệu đồng	1.300	4.083	+ 214,1%

## 2. Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu như sau:

### a) Kế hoạch SXKD năm 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
- Tổng sản lượng tiêu thụ:	Tấn	12.067
- Tổng doanh thu:	Triệu đồng	227.600
- Lợi nhuận trước thuế:	Triệu đồng	4.000
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	3.200
- Các khoản phát sinh nộp ngân sách:	Triệu đồng	1.806

### b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: không trích.

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (bao gồm cả thành viên Ban Điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động), quỹ thưởng của Ban Điều hành, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên: thực hiện theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025, Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

+ Chia cổ tức: dự kiến tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

HĐQT đề xuất ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ kết quả SXKD năm 2026 để quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2026 cho cổ đông và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

Căn cứ vào Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch SXKD - tài chính năm 2026 đã trình bày trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như trên.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Phước Hùng**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI  
BAN KIỂM SOÁT

\*\*\*  
Số: 03/TT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

### TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 (Báo cáo của Ban Kiểm soát được đính kèm trong tài liệu Đại hội).

Trân trọng kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
Trưởng ban

**Đoàn Tuấn Anh**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026



Số: 04/TT-HĐQT

**TỜ TRÌNH**  
**Về phân phối lợi nhuận năm 2025**

Căn cứ kết quả lợi nhuận (theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán); Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai báo cáo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

**1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6.395.767.240 đồng**

\* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước còn lại: 5.235.021 đồng  
(689.377.467 đồng - tài sản thuế thu nhập hoãn lại 684.142.446 đồng)

\* Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 6.390.532.219 đồng

**2. Phân phối lợi nhuận:**

a) Lợi nhuận năm 2025 phân phối các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và tình hình thực tế của doanh nghiệp): 1.300.000.000 đồng, gồm:

+ Người lao động: 834.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân)

+ Người quản lý: 466.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân Người quản lý chuyên trách và thù lao Người quản lý không chuyên trách)

- Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

$6.390.532.219 \text{ đồng} - 1.300.000.000 \text{ đồng} = 5.090.532.219 \text{ đồng}$

b) Lợi nhuận để chia cổ tức:

$5.090.532.219 \text{ đồng} + 5.235.021 \text{ đồng} = 5.095.767.240 \text{ đồng}$

Dự kiến chia cổ tức 5% tương ứng giá trị 5.000.000.000 đồng

c) Lợi nhuận còn lại:  $5.095.767.240 \text{ đ} - 5.000.000.000 \text{ đ} = 95.767.240 \text{ đồng}$

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 theo đúng quy định hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Lê Phước Hùng**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026



Số: 05/TT-HĐQT

## TỜ TRÌNH

Về: Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Người phụ trách quản trị (NPTQT) thực hiện năm 2025. Kế hoạch mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, NPTQT năm 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xin báo cáo với Đại hội để thông qua như sau:

### I. Thù lao thực hiện năm 2025:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua Nghị quyết về mức thù lao năm 2025 của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phụ trách quản trị. Tổng mức thù lao năm 2025 đã thực hiện là 156 triệu đồng, trong đó:

- Thù lao HĐQT: 84 triệu đồng.
- Thù lao Ban Kiểm soát: 60 triệu đồng.
- Thù lao Phụ trách quản trị: 12 triệu đồng.

### II. Kế hoạch mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, NPTQT năm 2026:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhân sự của Công ty, xin báo cáo mức thù lao dự kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026 và Người Phụ trách quản trị như sau:

#### 1. Mức lương, thù lao thành viên HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Mức thù lao của thành viên HĐQT (không chuyên trách) tạm ứng hàng tháng (từ tháng 01/2026) như sau:

- + Chủ tịch HĐQT: 5 triệu đồng/ tháng
- + Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/tháng

Mức thù lao HĐQT thực hiện năm 2026 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở áp dụng theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

#### 2. Mức lương, thù lao Kiểm soát viên, phụ trách quản trị:

- Trưởng BKS (chuyên trách): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Thù lao Kiểm soát viên (KSV) tạm ứng hàng tháng (từ tháng 01/2026): 3 triệu đồng/tháng/người. Mức thù lao KSV thực hiện năm 2026 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở áp dụng theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Thù lao Phụ trách quản trị: 1 triệu đồng/tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Phước Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**  
**BAN KIỂM SOÁT**  
\*\*\*  
Số: 06/TT-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**V/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cập nhật đến ngày 08/04/2026);

Để việc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2026 được kịp thời, thuận lợi và đảm bảo các quy định hiện hành, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Xem xét phê duyệt danh sách 03 đơn vị kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

STT	Tên Công ty kiểm toán	Địa chỉ liên hệ
1	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, P.Vĩnh Hội, TP.HCM
2	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam	147-147 Bis Hai Bà Trưng, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
3	Công Ty TNHH Kiểm Toán - Tư Vấn Đất Việt	02 Huỳnh Khương Ninh, Phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh

2. Xem xét ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo, lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai theo đúng quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng ban**

**Đoàn Tuấn Anh**



Số: 07/TT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**V/v sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020; được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Bản sửa đổi bổ sung Điều lệ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 họp ngày 19 tháng 5 năm 2023;

- Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 14/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai về tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026;

- Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi Điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

<b>Nội Dung trong Điều lệ hiện tại</b>	<b>Nội dung trình điều chỉnh, bổ sung</b>	<b>Giải trình Lý do</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	<u>c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15</u>	Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

<p>-----</p> <p>g) Người điều hành doanh nghiệp là <del>Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</del></p>	<p><u>ngày 17/06/2025</u></p> <p>g) Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (hoặc Quyền giám đốc trong trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm Giám đốc), Phó giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính</p> <p>Và sửa đổi để phù hợp với thực tế của chức danh Chủ tịch HĐQT và Giám đốc tại Công ty hiện nay</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, Quốc lộ 1, Khu Phố Cẩm Tân, Phường Hàng Gòn, <del>Tỉnh Đồng Nai</del>, Việt Nam.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, Quốc lộ 1, Khu Phố Cẩm Tân, Phường Hàng Gòn, <u>Thành Phố Đồng Nai</u>, Việt Nam.</p>	<p>Cập nhật địa giới hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội</p>
<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>- Giám đốc.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là :</p> <p><u>Giám đốc hoặc Quyền Giám đốc.</u></p>	
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, <u>pháp luật Luật chứng khoán.</u></p>	<p>Căn cứ khoản 78 điều 1 Nghị định số 245/2025/ND-CP Quy định Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là</p>

		Thành viên HĐQT hoặc TV HĐQT tối đa 05 Công ty. Bổ sung nội dung này để đảm bảo Công ty lưu ý tuân thủ pháp luật về chứng khoán khi đề cử thành viên HĐQT
Điều 34. Người điều hành Công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	Điều 34. Người điều hành Công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm: Giám đốc (hoặc Quyền giám đốc <u>trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm Giám đốc</u> ), Phó giám đốc, Kế toán trưởng.	Căn cứ khoản 01 điều 34 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính  Và phù hợp với tình hình thực tế về nhân sự Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty

Riêng về nội dung “Trụ sở đăng ký của Công ty” (mục 3, điều 2 của điều lệ) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban điều hành Công ty chủ động thực hiện các thủ tục điều chỉnh địa chỉ phù hợp với địa giới hành chính mới trong trường hợp nhà nước thay đổi địa giới hành chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

Trân trọng kính trình./.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ Công ty;
- Công bố thông tin;
- Các Thành viên HĐQT;
- Lưu, PTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Phước Hùng**

Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ

Đồng Nai, ngày 29 tháng 06 năm 2026



**(DỰ THẢO)**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3600333736  
do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài Chính Thành Phố Đồng Nai cấp,  
đăng ký lần đầu ngày 01/03/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/01/2026

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai được tổ chức tại Khách sạn Đồng Nai, địa chỉ số 57, đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai vào lúc 8 giờ 00 ngày 29 tháng 06 năm 2026. Có ..... cổ đông với số cổ phần sở hữu và được ủy quyền dự họp đại diện cho ..... cổ phần, bằng .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (.....% vốn điều lệ).

Đại hội đã thảo luận và ra Nghị quyết các nội dung sau:

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Đại hội nhất trí thông qua các vấn đề sau:**

**Vấn đề 1.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với tỉ lệ:.....% số phiếu tán thành.

**Vấn đề 2.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, với tỉ lệ: .....% số phiếu tán thành.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với các chỉ tiêu và nội dung chủ yếu như sau:

**1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:**

- Sản lượng tiêu thụ: 12.067 tấn
- Tổng Doanh thu: 227.600 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4.000 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 3.200 triệu đồng
- Các khoản phải nộp ngân sách: 1.806 triệu đồng

**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2026:**

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động (bao gồm cả thành viên Ban Điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động), quỹ thưởng của Ban Điều hành, Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên: thực hiện theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025, Nghị định 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

+ Chia cổ tức: dự kiến tối thiểu 3% mệnh giá cổ phiếu.

HĐQT đề xuất ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ kết quả SXKD năm 2026 để quyết định mức tạm ứng cổ tức năm 2026 cho cổ đông và thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

**Vấn đề 3.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025, với tỉ lệ: .....% số phiếu tán thành.

**Vấn đề 4.** Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2025, với tỉ lệ: .....% số phiếu tán thành, cụ thể:

1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước còn lại: 5.235.021 đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 6.390.532.219 đồng

2. Phân phối lợi nhuận:

a) Lợi nhuận năm 2025 phân phối các quỹ:

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và tình hình thực tế của doanh nghiệp): 1.300.000.000 đồng, gồm:

+ Người lao động: 834.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân)

+ Người quản lý: 466.000.000 đồng (không quá 3 tháng lương bình quân Người quản lý chuyên trách và thù lao Người quản lý không chuyên trách)

- Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ:

$6.390.532.219 \text{ đồng} - 1.300.000.000 \text{ đồng} = 5.090.532.219 \text{ đồng}$

b) Lợi nhuận để chia cổ tức:

$5.090.532.219 \text{ đồng} + 5.235.021 \text{ đồng} = 5.095.767.240 \text{ đồng}$

Chia cổ tức 5% tương ứng giá trị 5.000.000.000 đồng

c) Lợi nhuận còn lại:  $5.095.767.240 \text{ đ} - 5.000.000.000 \text{ đ} = 95.767.240 \text{ đồng}$

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục chi trả cổ tức năm 2025 theo đúng quy định hiện hành.

**Vấn đề 5.** Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Người phụ trách quản trị (NPTQT) thực hiện năm 2025. Kế hoạch mức

tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, NPTQT năm 2026, với tỉ lệ: .....% số phiếu tán thành, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Mức thù lao năm 2026 của thành viên HĐQT (không chuyên trách) tạm ứng hàng tháng (từ tháng 01/2026) như sau:

+ Chủ tịch HĐQT: 5 triệu đồng/ tháng

+ Thành viên HĐQT: 4 triệu đồng/tháng

+ Thù lao Kiểm soát viên (KSV): 3 triệu đồng/tháng

+ Mức thù lao HĐQT, KSV thực hiện năm 2026 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở áp dụng theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Trưởng BKS (chuyên trách): không có thù lao, hưởng lương chuyên trách theo quy định tại Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với tình hình thực tế của công ty.

- Thù lao Phụ trách quản trị năm 2026: 01 triệu đồng/tháng.

**Vấn đề 6.** Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập (chọn một trong ba đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam và Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt), với tỷ lệ: .....% số phiếu tán thành.

**Vấn đề 7.** Thông qua Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai với tỉ lệ:.....% số phiếu tán thành.

Trong đó, tại nội dung “Trụ sở đăng ký của Công ty” (mục 3, điều 2 của điều lệ) Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban điều hành Công ty chủ động thực hiện các thủ tục điều chỉnh địa chỉ phù hợp với địa giới hành chính mới trong trường hợp nhà nước thay đổi địa giới hành chính.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua toàn văn trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cổ đông Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo thẩm quyền, chức năng

hoạt động của mình, đảm bảo lợi ích của cổ đông, lợi ích của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 2;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu VT, HC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**LÊ PHƯỚC HÙNG**